

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 -10-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Kim Phong.

2. Bà Nông Thị Phương Loan.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Đàm Văn Dần.

Thư ký phiên tòa: Bà Bàng Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị B; Sinh ngày 11/5/1984;

Nơi đăng ký HKTT: xóm K, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ cư trú hiện nay: xóm Đ2, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn N; Sinh ngày 09/5/1983;

Nơi đăng ký HKTT và Địa chỉ cư trú hiện: xóm K, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Nông Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lý Văn N tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 12 năm 2012. Trước khi kết hôn, hai vợ chồng có được tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn và kết hôn trên cơ sở tự

nguyên. Hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hòa An vào ngày 04/3/2013.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung tại xóm K, xã N, huyện Hòa An, Cao Bằng. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm, sau khi sinh đứa con đầu lòng thì chị và anh N bàn bạc chuyển về sống chung với bố mẹ đẻ của chị B ở xóm Đ2, xã V, thành phố Cao Bằng để thuận tiện cho việc làm ăn sinh sống. Về mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ khi hai vợ chồng có con chung, nguyên nhân là do anh N hay uống rượu, không tu chí làm ăn, trong khoảng thời gian chuyển về sống ở xóm Đ2 thì anh N vẫn đi lại giữa hai nhà nhưng lần nào đến sống chung với chị cũng đều đã uống rượu say, khi chị khuyên bảo thì giữa hai vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau làm mất đoàn kết tình cảm vợ chồng. Quá trình mâu thuẫn đã được hòa giải nhưng kết quả không thành, càng ngày chị càng cảm thấy đời sống chung vợ chồng ngày càng ngột ngạt, không lối thoát, khó hàn gắn lại, chị đã quyết định ly thân với anh N từ khoảng tháng 7 năm 2019 đến nay.

Nay, chị xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 (một) con chung là Lý Thị H sinh ngày 05/10/2013. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị và bên ngoại ở xóm Đ2, xã V, thành phố Cao Bằng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung thì chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung cũng không có vay nợ chung.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh N thừa nhận đúng như chị B đã trình bày. Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với nhau tại xóm K, xã N, huyện Hòa An, sau khi có đứa con đầu lòng thì chị B chuyển về sống tại xóm Đ2, xã V, thành phố Cao Bằng, còn anh vẫn đi lại sinh hoạt với cả hai bên gia đình ở hai nơi. Trong thời gian về sống với bố mẹ vợ thì giữa hai vợ chồng vẫn sống bình thường không có mâu thuẫn gì cũng rất ít khi cãi cọ nhau, vì công việc anh đi làm thuê nên có sự giao lưu bạn bè, uống rượu nhưng anh vẫn chăm lo cuộc sống gia đình. Nay anh không nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị B vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Anh thừa nhận đúng như chị B đã trình bày. Trong trường hợp phải ly hôn, thì anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và anh không yêu cầu chị B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung cũng không có vay nợ chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 23/9/2019 ông Lê Văn S - Trưởng xóm Đ2, xã V khẳng định là trong thời gian mà hai vợ chồng B, N chuyển về sinh sống tại xóm thì có xảy ra cãi vã và mắng chửi nhau. Việc anh N chuyển về xóm Đ2 không thực hiện việc đăng ký tạm trú, thường xuyên không sinh sống tại xóm, thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo đời sống gia đình. Mỗi lần uống rượu say đều gây mất trật tự an ninh của xóm, chính quyền xóm đã nhắc nhở vài lần nhưng anh N vẫn không tôn trọng tổ chức chính quyền. Về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thì hiện nay chị B sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm Đ2 và đi làm công nhân tại Công ty TNHH Quang Minh, Cao Bằng. Quá trình hai vợ chồng quay về sinh sống với bố mẹ đẻ của chị B thì hằng ngày anh N không tu chí làm ăn, kinh tế gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào chị B và sự trợ giúp của bố mẹ đẻ.

Về điều kiện và hoàn cảnh của anh Lý Văn N tại xóm K, xã N, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 26/9/2019, ông Lục Anh N2 – Công an viên, Phó Trưởng xóm K, xã N xác nhận: Gia đình anh N gồm bố mẹ và em trai hiện nay đang cư trú tại xóm K, về hoàn cảnh gia đình thì có ruộng đất đủ canh tác, có diện tích rừng khoảng hơn 5 hecta và ngoài ra còn có gia súc, gia cầm. Về thời gian vợ chồng B, N chung sống với nhau tại xóm thì hai vợ chồng tổ chức lễ cưới vào năm 2013, sau đó sinh sống với nhau tại xóm hơn một năm thì chuyển về bên bố mẹ của chị B sống, trong khoảng thời gian sống chung vợ chồng tại xóm thì hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Đối với bản thân anh N sau khi cùng vợ chuyển về quê vợ sinh sống thì thỉnh thoảng vẫn đi lại giữa hai bên, anh N thường xuyên uống rượu không hay ở nhà, có đi làm thuê nhưng việc tích góp tài sản được hay không thì không xác định được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn anh Lý Văn N không nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị B. Trong trường hợp ly hôn thì anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị B kết hôn với anh Lý Văn N, địa chỉ: K, N, Hòa An, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Hòa An, Cao Bằng. Nay chị B khởi kiện xin ly hôn với anh N, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B và anh Lý Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, Hòa An, Cao Bằng vào ngày 04 tháng 3 năm 2013, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh N thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian sống chung của chị B và anh N lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được như việc anh N thường xuyên đi uống rượu, khi chị B góp ý nhắc nhở thì anh N không những không sửa đổi mà còn có những lời lẽ xúc phạm đến bản thân và gia đình của chị B. Kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái anh N dồn hết để chị B gánh vác còn bản thân thì không tu chí làm ăn, giao lưu bạn bè, rượu chè say sấn đến mức chị B phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Đối với anh N trình bày việc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn và anh mong muốn được chị B xem xét rút đơn quay về đoàn tụ gia đình nhưng khi xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng tại nơi cư trú thể hiện căn nguyên để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là xuất phát từ anh N, sự việc xảy ra trong một thời gian dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Trong thời gian qua cả hai vợ chồng đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị B anh N không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị B và anh N có một con chung tên Lý Thị Huế, sinh ngày 05/10/2013. Hiện nay, con đang ở với chị B tại xóm Đ2, xã V, thành phố Cao Bằng. Trong trường hợp phải ly hôn, cả chị B và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét về điều kiện: Con chung hiện nay còn nhỏ, từ nhỏ đến nay đều ăn học tại xã V, thành phố Cao Bằng. Hiện nay cháu ăn học hằng ngày đều do chị B chăm sóc nuôi dưỡng và bố mẹ đẻ của chị chu cấp. Gia đình chị B có B chị em gái, hiện nay có ba chị em gái đều đã đi lấy chồng, còn 01 em gái đang tuổi ăn học, hiện nay chị B sống với bố mẹ đẻ. Đối với anh N thì nghề N làm ruộng, anh có đi làm thuê nhưng không chứng minh được mức thu nhập ổn định, anh N thường xuyên rượu chè, không có thời gian để chăm sóc con cái. Mặt khác, qua xác minh tại cơ sở thì hiện nay phần tài sản của anh N không rõ ràng, gia đình anh N còn có một người em trai chưa lập gia đình do vậy hoàn cảnh của anh N sau khi ly hôn không có điều kiện được như phía chị B. Do đó, yêu cầu trực nuôi con sau khi ly hôn của anh N không được chấp nhận. Hiện tại chị B vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con cũng như sự phát triển của con sau này nên giao con cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp. Hơn nữa con chung còn nhỏ và là con gái nên việc để cháu cho mẹ chăm sóc là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển cho cháu. Về mức cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị B được ly hôn với anh Lý Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Thị H, sinh ngày 05/10/2013 cho chị Nông Thị B là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lý Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị B. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh N, chị B có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh N đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001328 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Kim Phong Nông Thị Phương Loan

Lục Thanh Hải